

Số: 126 /TB-QTMT

Quảng Bình, ngày 21 tháng 5 năm 2016

THÔNG BÁO
Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Ngày 20 tháng 5 năm 2016, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 05 điểm gồm bãi biển Quảng Phú, bãi tắm Quảng Thọ, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh đồng thời gửi mẫu cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị phân tích một số chỉ tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc					QCVN 10-MT:2015/BTNMT	
			B1	B2	B3	B4	B5	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
I	Kết quả quan trắc, phân tích Quảng Bình ngày 20/5/2016								
a	Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng								
1	Nhiệt độ	⁰ C	25,5	26,8	27,1	26,3	27,9		
2	pH		7,7	7,8	7,9	8,0	8,1	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,58	6,82	6,89	6,95	6,91	≥ 5	≥ 4
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	29,5	35	30	23	35	50	50
5	Amôni (NH ⁺ ₄ tính theo N)	mg/l	< 0,025	0,03	0,03	< 0,025	0,03	0,1	0,5
6	Florua (F ⁻)	mg/l	1,46	1,44	1,43	1,42	1,45	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	0,05	0,05	0,06	0,06	0,04	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,36	0,20	0,26	0,26	0,22	0,5	0,5
b	Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều								
1	Nhiệt độ	⁰ C	26,9	27,1	25,7	25,3	25,1		
2	pH		7,8	7,9	8,1	8,0	8,0	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,61	6,85	6,90	7,00	6,95	≥ 5	≥ 4



4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	23	31	20	17	33	50	50
5	Amôni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/l	< 0,025	0,04	0,03	< 0,025	< 0,025	0,1	0,5
6	Florua (F^-)	mg/l	1,45	1,44	1,44	1,43	1,43	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	< $1,84 \times 10^{-3}$	< $1,84 \times 10^{-3}$	< $1,84 \times 10^{-3}$	< $1,84 \times 10^{-3}$	< $1,84 \times 10^{-3}$	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	< $0,31 \times 10^{-3}$	< $0,31 \times 10^{-3}$	< $0,31 \times 10^{-3}$	< $0,31 \times 10^{-3}$	< $0,31 \times 10^{-3}$	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	< $1,22 \times 10^{-3}$	< $1,22 \times 10^{-3}$	< $1,22 \times 10^{-3}$	< $1,22 \times 10^{-3}$	< $1,22 \times 10^{-3}$	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	0,05	0,06	0,05	0,04	0,05	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,26	0,13	0,19	0,21	0,18	0,5	0,5
II Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 20/5/2016)									
a Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng									
1	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN^-)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân (Hg)	mg/l	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,07	0,03	0,04	0,05	0,04	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2
b Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều									
1	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN^-)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr^{6+})	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân (Hg)	mg/l	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	< $0,89 \times 10^{-3}$	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,06	0,03	0,03	0,03	0,03	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi biển Quảng Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch
 - B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Quảng Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
 - B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
 - B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới
 - B5: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh

Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 18 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Website: vea.gov.vn.



T NG H P K T Q U Q U A N T R C C H T L N G N C B I N V E N B 0 4 T N H M I N T R U N G
(Ngày 18 tháng 5 n m 2016)

1. K t q u q u a n t r c c h t l n g n c b i n v e n b t r ê n a b à n t n h Hà T n h

STT	Thông s	n v	Bãi t m Xuân Thành		Bãi t m Xuân H i		Bãi t m Th ch H i		Bãi t m Thiên C m		QCVN 10- MT: 2015/BTNMT Vùng bãi t m, th thao d i n c
			18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		
			Sáng	Chi u	Sáng	Chi u	Sáng	Chi u	Sáng	Chi u	
Ngày l y m u											
1.	Nhi t	⁰ C	28,7	31,5	27,7	31,4	27,4	29,5	27,2	30,1	-
2.	pH		8,1	8,0	8,1	8,2	8,0	8,1	8,1	8,0	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,9	7,1	6,7	7,2	7,6	7,8	8,1	7,6	4,0
4.	c	NTU	10,5	7,6	12,2	8,1	2,4	2,2	2,1	2,1	-
5.	TSS	mg/L	27,0	37,0	31,0	41,0	26,0	26,0	21,0	18,0	50
6.	N - NH ₄ ⁺	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,5
7.	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	0,01	0,01	0,01	0,02	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,10	<0,1	<0,10	0,12	<0,10	<0,1	<0,10	<0,1	0,5
9.	As	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	<0,2	0,32	0,3	0,36	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	0,5
11.	CN ⁻	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khu n/ 100mL	47	310	51	360	13	62	50	10	1.000



K t qu quan tr c ch t l ng n c bi n ven b trên à bàn t nh Hà T nh (ti p)

STT	Thông s	n v	Bãi t m K Ninh		Bãi t m M i ao		Bãi t m K Xuân		QCVN 10- MT: 2015/BTNMT Vùng bãi t m, th thao d i n c
			18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		
Ngày l y m u			Sáng	Chi u	Sáng	Chi u	Sáng	Chi u	
1.	Nhi t	⁰ C	27,6	30,0	28,8	29,4	26,0	29,1	-
2.	pH		8,0	8,2	8,2	8,2	8,1	8,2	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	8,0	8,1	8,0	7,7	7,9	8,1	4,0
4.	c	NTU	8,3	18,6	2,3	2,6	3,7	3,1	-
5.	TSS	mg/L	19,0	44,0	25,0	25,0	18,0	30,0	50
6.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,5
7.	P-PO ₄ ³⁻	mg/L	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,10	<0,1	<0,10	<0,1	<0,10	<0,1	0,5
9.	As	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	0,3	<0,2	<0,2	<0,2	<0,2	0,2	0,5
11.	CN ⁻	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khu n/ 100mL	5	28	60	180	<3	4	1.000



2. Kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Quảng Phú, Quảng Phú, Quảng Trạch		Bãi tắm Nhật Lệ, TP. Hà Tĩnh		Bãi tắm Ái Nhụy, Thanh Trạch, Bình Trạch		Bãi tắm Hới Ninh, Hới Ninh, Quảng Ninh		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
Ngày lấy mẫu			18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		Vùng bãi tắm, thao d i n c
1.	Nhiệt độ	°C	29,4	28,9	28,5	28,8	27,6	27,9	27,4	27,7	-
2.	pH		7,90	7,95	7,91	7,88	7,84	7,87	7,86	7,89	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,26	6,48	6,46	6,52	6,64	6,59	6,56	6,64	4,0
4.	TSS	mg/L	32,0	26,0	36,0	21,0	34,0	32,0	27,0	21,0	50
5.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	<0,025	0,03	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	0,5
6.	F ⁻	mg/L	1,45	1,45	1,46	1,45	1,44	1,43	1,42	1,44	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05
10.	Zn	mg/L	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,42	0,35	0,23	0,25	0,33	0,30	0,30	0,19	0,5



K t qu quan tr c ch t l ng n c bi n ven b trên à bàn t nh Qu ng Bình (ti p)

STT	Thông s	n v	Bãi t m Qu ng Th , Qu ng Th , Ba ôn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
Ngày l y m u			18/5/2016		Vùng bãi t m, th thao d i n c
			Sáng	Chi u	
1.	Nhi t	⁰ C	28,7	27,9	-
2.	pH		7,88	7,92	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,52	6,65	4,0
4.	TSS	mg/L	24,0	36,0	50
5.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	0,03	<0,025	0,5
6.	F ⁻	mg/L	1,45	1,44	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05
10.	Zn	mg/L	<0,01	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,29	0,23	0,5



3. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Mũi Sỏi, thôn Trại Cá Túng, Vĩnh Linh		Bãi tắm Gio Hải, xã Gio Hải, Gio Linh		Bãi tắm Mũi Thủy, xã Hải An, Hải Lăng		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		Vùng bãi tắm, thao dĩnh
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	°C	22,1	25,2	22,6	25,7	22,4	25,8	-
2.	pH		7,8	7,9	7,9	7,9	7,9	7,9	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,2	6,0	6,2	6,3	6,2	6,1	4,0
4.	Độ đục	mg/L	2,9	6,1	3,7	3,6	2,3	2,0	-
5.	TSS	mg/L	3,2	7,8	6,2	3,0	< 2,5	4,6	50
6.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 0,02	< 0,02	< 0,02	0,04	< 0,02	< 0,02	0,5
7.	P-PO ₄ ³⁻	mg/L	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,3
8.	Fe	mg/L	0,032	0,095	0,064	0,057	0,034	0,033	0,5
9.	Cd	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,005
10.	Pb	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,05
11.	Cu	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,5
12.	Zn	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	1,0
13.	Mn	mg/L	0,07	0,04	0,09	0,09	0,09	0,10	0,5
14.	As	mg/L	0,0015	0,0032	0,0016	0,0022	0,0033	0,0033	0,04
15.	Hg	mg/L	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	0,002
16.	Xyanua	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01
17.	Cr (VI)	mg/L	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,05
18.	Cr tổng	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,003	< 0,10	0,2
19.	Coliform	MPN/100mL	4	9	15	29	15	75	1.000



4. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Lăng Cô		Bãi tắm Cửa D'ng		Bãi tắm Thuận An		Bãi tắm Quảng Ngạn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Vùng bãi tắm, thao d'nh
Ngày lấy mẫu			18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		18/5/2016		
1.	Nhiệt độ	°C	28,4	28,4	29,2	31,2	26,4	27,7	26,6	27,7	-
2.	pH		8,3	8,2	8,1	8,2	8,2	8,3	8,3	8,3	6,5 ÷ 8,5
3.	EC	mS/cm	45,8	45,6	44,7	44,1	45,4	45,3	45,3	45,2	-
4.	TDS	g/L	27,8	27,8	26,0	26,9	27,7	27,7	27,6	27,4	-
5.	DO	mg/L	4,9	4,7	6,7	5,9	5,2	5,7	6,4	6,3	4,0
6.	Độ đục	NTU	6	<1	10	12	8	8	11	14	-
7.	TSS	mg/L	8,5	6,0	5,5	12,5	7,0	10,5	7,5	12,0	50
8.	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,033	0,055	0,053	0,046	0,043	0,063	0,055	0,055	0,5
9.	N-NO ₂ ⁻	mg/L	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	-
10.	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	0,3
11.	CN ⁻	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Fe	mg/L	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	0,22	0,11	0,13	0,13	0,5
13.	Hg	mg/L	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	0,002
14.	Tổng phenol	mg/L	<0,005	KPT	<0,005	KPT	<0,005	KPT	<0,005	KPT	0,03

* KPT: không phân tích

Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt nêu trên do Trung tâm Quan trắc môi trường địa phương phối hợp với các Trung tâm Quan trắc môi trường quốc gia và địa phương tiến hành lấy mẫu và phân tích tại các bãi tắm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18 tháng 5 năm 2016. Qua so sánh, chỉ số chất lượng nước tại các bãi tắm này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước bề mặt (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) cho thấy, chất lượng nước tại các bãi tắm này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước bề mặt, thao d'nh.